

CHUYÊN ĐỀ 1:

LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T1)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

-Tích hợp năng lực số:- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi



? Các hình ảnh trên đang nói đến hiện tượng nào trong đời sống?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

Hoàn thành năm 1899, phương đình công trình mặt tiền Nhà thờ Chính toà Phát Diệm gọi lên hình ảnh về những mái đình, mái chùa truyền thống hơn là một nhà thờ Công giáo điển hình. Kiểu kiến trúc độc đáo này thể hiện sự kết hợp của văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây, giữa Công giáo với các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống ở Việt Nam.

Vậy tín ngưỡng, tôn giáo là gì? Ở Việt Nam có những tín ngưỡng, tôn giáo nào? Các tín ngưỡng, tôn giáo này có những nét chính gì và biểu hiện như thế nào trong đời sống văn hoá - xã hội? Chúng ta cùng tìm hiểu trong chuyên đề hôm nay.



Hình 1. Phương đình Nhà thờ chính toà Phát Diệm (huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. Khái lược về tín ngưỡng và tôn giáo

a. Mục tiêu: Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học			Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm và trả lời câu hỏi sau: ? Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau			I. Khái lược về tín ngưỡng và tôn giáo 1. Khái niệm tín ngưỡng - Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống. 2. Khái niệm tôn giáo Tôn giáo là niềm tin của con người vào các thể
Mục	Tín ngưỡng	Tôn giáo	
Khái niệm			
Giống nhau			
Khác nhau			
Nhiệm vụ 2: Bài tập Bài tập 1 GV đưa ra các hình ảnh và yêu cầu HS xác định tên tín ngưỡng thông qua trò chơi Ai nhanh hơn. HS nà dơ tay			

trả lời nhanh nhất sẽ được gọi- trả lời đúng sẽ nhận được phần thưởng (điểm cộng)

Đây là tín ngưỡng nào?



Thờ Mẫu



Thờ Quốc Tổ Hùng Vương



Thờ cúng tổ tiên



Thờ Thành Hoàng



Thờ anh hùng dân tộc



Thờ anh hùng dân tộc

Bài tập 2

GV đưa ra các hình ảnh và yêu cầu HS xác định các tôn giáo thông qua trò chơi Ai thông minh hơn HS lớp 5. HS nào trả lời nhanh nhất sẽ được gọi- trả lời đúng sẽ nhận được phần thưởng (điểm cộng)

Nhìn hình ảnh và cho biết tôn giáo đang được nhắc tới?

lực siêu nhiên, với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức, được lưu truyền trong một cộng đồng cư dân của một quốc gia hoặc trên toàn thế giới.



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

Mục	Tín ngưỡng	Tôn giáo
Khái niệm	Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống.	Tôn giáo là niềm tin của con người vào các thế lực siêu nhiên, với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức, được lưu truyền trong một cộng đồng cư dân của một quốc gia

		hoặc trên toàn thế giới.	
Giống nhau	- Điều thể hiện niềm tin của con người về một thế giới siêu thực, siêu tự nhiên. - Cả hai đều giúp điều chỉnh hành vi ứng xử giữa các cá thể trong cộng đồng, hướng con người đến chân - thiện - mỹ.		
Khác nhau	- Có tính dân tộc và dân gian nhiều hơn tôn giáo. - Tín ngưỡng không có người sáng lập cũng như không có một hệ thống giáo lí. - Tín ngưỡng hình thành một cộng đồng mở (sẵn sàng tiếp nhận mọi người, mỗi người có thể theo nhiều tín ngưỡng cùng một lúc).	- Tôn giáo mang tính quốc tế nhiều hơn - Tôn giáo có một hệ thống giáo lí (kinh kệ, lời răn của người sáng lập), giáo luật, giáo đoàn, giáo sĩ hành đạo chặt chẽ - Tôn giáo hình thành một cộng đồng khép kín hơn tín ngưỡng (một người chỉ theo một tôn giáo trong cùng thời điểm).	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV cho HS xem video về sự khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo.			

II. Một số tín ngưỡng ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; (Thờ cúng tổ tiên) chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập	II. Một số tín ngưỡng ở

[1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số

Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn.

Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức

Nhiệm vụ 1: Thờ cúng tổ tiên

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và trả lời các câu hỏi sau:
? Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

Mục	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
Khái niệm	
Nguồn gốc	
Phạm vi thực hành tín ngưỡng	
Thời gian và cách thức thực hành tín ngưỡng	
Ý nghĩa	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Gv cung cấp thông tin tư liệu



Thờ cúng tổ tiên chính là toàn bộ các hình thức lễ nghi, cúng bái nhằm thể hiện tấm lòng thành kính, đạo lý uống nước nhớ nguồn, biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã sinh thành và gây dựng nên cuộc sống cho con cháu – những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ, với ông bà,

Việt Nam

1. Thờ cúng tổ tiên

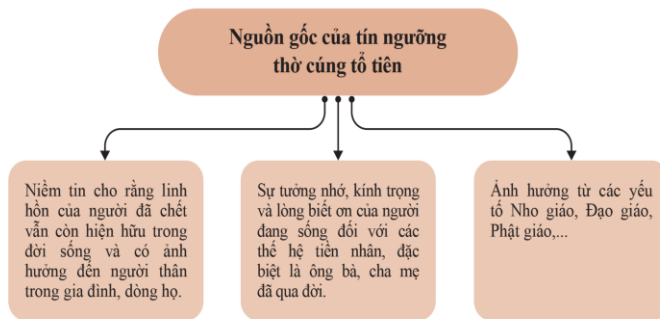
a. Nguồn gốc

Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng xuất hiện từ xa xưa và tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới. Ở Việt Nam, thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng quan trọng và phổ biến nhất.

b. Biểu hiện

- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên biểu hiện chủ yếu ở việc lập bàn thờ và hoạt động cúng lễ, giỗ.
- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn gắn với một số hoạt động khác như xây dựng nhà thờ họ, chung ruộng hương hỏa, tảo mộ,...

cha mẹ đã qua đời.



Hình 2. Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên biểu hiện chủ yếu ở việc lập bàn thờ và hoạt động cúng lễ, giỗ.



Bàn thờ tổ tiên theo truyền thống được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà, gồm có ngai thờ, bài vị (hoặc thần chủ), bát hương, đĩa đèn, bình hoa, mâm hoa quả,...



Hoạt động cúng lễ được tiến hành vào ngày mùng một, ngày rằm, ngày tết truyền thống và những dịp khác, tùy theo niềm tin hoặc nhu cầu tâm linh của gia chủ.



Giỗ là nghi thức quan trọng trong tín ngưỡng thờ cúng tổ

tiên, đề tưởng nhớ ngày người thân qua đời theo âm lịch. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn gắn với một số hoạt động khác như xây dựng nhà thờ họ, chung ruộng hương hỏa, tảo mộ,...



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Mục	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
Khái niệm	là tín ngưỡng xuất hiện từ xa xưa và tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở một số nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á
Nguồn gốc	Là sự phản ánh niềm tin về mối quan hệ giữa người đang sống với người đã khuất.
Phạm vi thực hành tín ngưỡng	Trong gia đình, dòng họ
Thời gian và cách thức thực hành tín ngưỡng	Tổ chức vào ngày mất (kì nhật) của ông bà, cha mẹ; những ngày sóc, vọng (mùng một và rằm); lễ, tết, những sự kiện quan trọng của gia đình (cưới, hỏi, dựng nhà,...).
Ý nghĩa	Là dịp để mọi thành viên trong gia đình sum họp, tưởng nhớ người đã khuất và giáo dục đạo đức cho các thế hệ con cháu.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Hái táo”

Mỗi nhóm sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm, Nhóm nào có đáp án nhanh và đúng nhất sẽ hái được 1 quả táo. Kết thúc trò chơi nhóm nào có nhiều táo nhất sẽ giành chiến thắng.



Câu 1: Thập hương thờ cúng tổ tiên được gọi là?

- A. Tín ngưỡng.
- B. Tôn giáo.
- C. Mê tín dị đoan.
- D. Truyền giáo

Câu 2: Vào dịp tháng Giêng các gia đình thường đi xem bói, việc làm đó là?

- A. Tín ngưỡng.
- B. Tôn giáo
- C. Mê tín dị đoan.
- D. Công giáo.

Câu 3: Mừng năm mươi bốn hai ba/Đi chơi cũng thiệt hưởng là đi buôn nói về yếu tố nào?

- A. Tôn giáo.
- B. Mê tín dị đoan.
- C. Truyền giáo.
- D. Tín ngưỡng.

Câu 4: Hình thức tín ngưỡng có hệ thống tổ chức, với những quan niệm, giáo lí thể hiện rõ sự tín ngưỡng, sùng bái thần linh và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy được gọi là?

- A. Tín ngưỡng.
- B. Tôn giáo.
- C. Mê tín dị đoan.
- D. Truyền giáo.

Câu 5: Hành vi nào sau đây thể hiện mê tín dị đoan?

- A. Đi lễ chùa
- B. Thắp hương trên bàn thờ tổ tiên
- C. Đi lễ nhà thờ
- D. Chữa bệnh bằng phù phép

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	D	B	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Em hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho bạn bè quốc tế về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở nước ta**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dẫn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

-Tích hợp năng lực số:- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS điền từ còn thiếu vào dấu 3 chấm

Dù ai đi ... về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mừng ... tháng ...
Dù ai ... gần xa
Nhớ ngày giỗ Tổ tháng 3 mừng 10

? Câu ca dao trên đề cập đến truyền thống nào của dân tộc ta?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

II. Một số tín ngưỡng ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; (Thờ Quốc tổ Hùng Vương, Tín ngưỡng thờ mẫu) chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến												
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức Nhiệm vụ 1a: Thờ Quốc tổ Hùng Vương GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau <table><tr><th>Mục</th><th>Tín ngưỡng thờ quốc tổ Hùng Vương</th></tr><tr><td>Nguồn gốc</td><td></td></tr><tr><td>Phạm vi</td><td></td></tr><tr><td>Thời gian thực hành tín ngưỡng</td><td></td></tr><tr><td>Ý nghĩa</td><td></td></tr><tr><td>Biểu hiện</td><td></td></tr></table> Nhiệm vụ 1b: Bài tập GV mời HS tham gia trò chơi: Ai thông minh hơn HS lớp 5. HS trả lời cá nhân, dơ tay trả lời khi có đáp án. Câu 1: Đền Hùng nằm ở tỉnh nào? A. Phú Thọ. B. Yên Bái. C. Hòa Bình D. Tuyên Quang Câu 2: Sau khi lên làm vua, Vua Hùng đặt tên nước là? A. Việt Nam B. Âu Lạc C. Đại Ngu D. Văn Lang Câu 3: Loại bánh mang biểu tượng của ngày giỗ Tổ là? A. Bánh gai, bánh tổ B. Bánh giò, bánh tiêu C. Bánh tét, bánh bò. D. Bánh chưng, bánh dày.	Mục	Tín ngưỡng thờ quốc tổ Hùng Vương	Nguồn gốc		Phạm vi		Thời gian thực hành tín ngưỡng		Ý nghĩa		Biểu hiện		II. Một số tín ngưỡng ở Việt Nam 2. Thờ Quốc tổ Hùng Vương a) Nguồn gốc Bắt nguồn từ sự tưởng nhớ và biết ơn các Vua Hùng, là những người đứng đầu nhà nước Văn Lang - nhà nước đầu tiên của người Việt. b) Biểu hiện Ở các hoạt động thờ cúng các Vua Hùng và hướng về ngày giỗ Tổ, với lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ) được tổ chức trên quy mô lớn. 3. Thờ mẫu a) Nguồn gốc - Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam có nguồn gốc bản địa lâu đời từ tín ngưỡng thờ nữ thần, lấy việc tôn thờ tính nữ, Mẫu (Mẹ) với các quyền năng sinh sôi, bảo trợ và che chở cho con người b) Biểu hiện - Tín ngưỡng thờ Mẫu phản ánh rất đậm nét những đặc trưng của văn hoá nông nghiệp lúa nước: tôn trọng và gắn bó mật thiết với thiên nhiên.
Mục	Tín ngưỡng thờ quốc tổ Hùng Vương												
Nguồn gốc													
Phạm vi													
Thời gian thực hành tín ngưỡng													
Ý nghĩa													
Biểu hiện													

Câu 4: Theo truyền thuyết, Sơn Tinh là con rể của ai?

- A. Hùng Vương thứ XVII
- B. Hùng Vương thứ XVIII
- C. Hùng Vương thứ XIX
- D. Hùng Vương thứ XX

Câu 5: Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương thể hiện truyền thống gì của người Việt Nam?

- A. Làm lễ hội văn hóa
- B. Tôn vinh Vua Hùng
- C. Dựng nước và giữ nước
- D. Uống nước nhớ nguồn

Nhiệm vụ 2: Thờ mẫu

Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

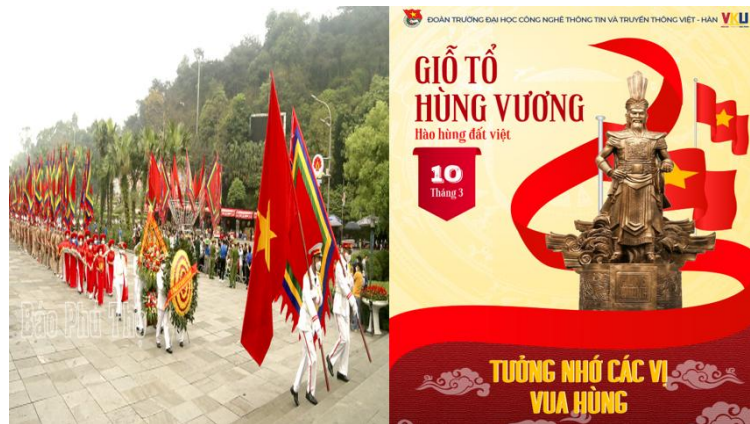
Mục	Tín ngưỡng thờ mẫu
Nguồn gốc	
Phạm vi	
Các loại hình	
Ý nghĩa	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

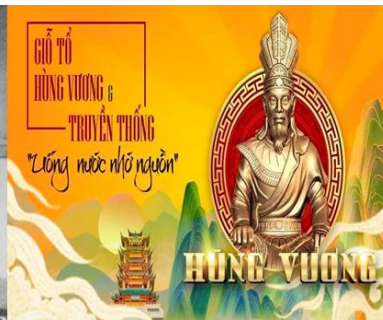
GV cung cấp thông tin tư liệu

Nv1



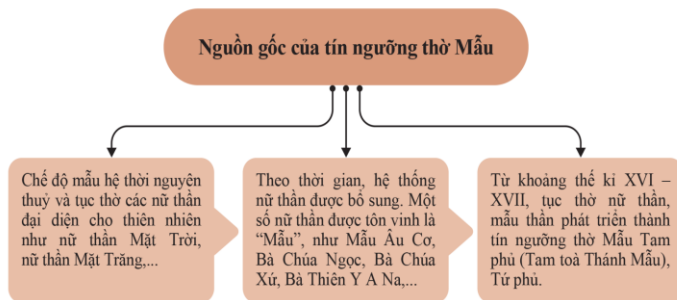


Ngày 18-2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 22c NV/CC, trong đó có nội dung cho phép công chức nghỉ ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm để tổ chức các hoạt động giỗ Tổ Hùng Vương.



NV 2

Thờ Mẫu là tín ngưỡng dân gian xuất hiện từ rất sớm trong đời sống văn hoá truyền thống của người Việt.



Hình 5. Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ Mẫu

Đối tượng thờ cúng của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam gồm nhiều vị thần khác nhau.



Hình 6. Tam toà Thánh Mẫu (tranh dân gian Hàng Trống)

Khi phát triển thành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, đôi tượng thờ cúng chủ yếu là Ngọc hoàng, Tam toà Thánh Mẫu, Ngũ vị Tôn quan, các vị Châu Bà, các ông Hoàng, các Cô, các Cậu Quận,... Việc thờ cúng của tín ngưỡng thờ Mẫu chịu ảnh hưởng của Đạo giáo, gắn liền với mong muốn cầu tài, lộc, sức khỏe



Ở Trung Bộ và Nam Bộ, gắn liền với tục thờ Mẫu và thờ Nữ thần còn có hình thức diễn xướng Múa bóng (múa dâng lễ trong các nghi lễ) và Hát bóng rồi, thường được tổ chức tại các đền.



Hào đồng, hay còn gọi là hào bóng, đồng bóng, là một nghi lễ trong hoạt động tín ngưỡng dân gian và tôn giáo thờ nữ thần mẹ Đạo Mẫu dòng Shaman giáo của nhiều dân tộc, trong đó có tín ngưỡng dân gian Việt Nam.



GV cho HS xem thêm các video về tín ngưỡng thờ mẫu và tín ngưỡng thờ quốc tổ Hùng Vương

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1a

Mục	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
Nguồn gốc	Từ sự tưởng nhớ và biết ơn các Vua Hùng, là những người đứng đầu nhà nước Văn Lang - nhà nước đầu tiên của người Việt.
Phạm vi thực hành tín ngưỡng	Cả nước
Thời gian thực hành tín ngưỡng	Tổ chức vào ngày Mười tháng Ba âm lịch hằng năm với đại lễ quốc gia ở Khu di tích Đền Hùng (Việt Trì, Phú Thọ) và ở tại các địa phương có đền thờ các Vua Hùng
Ý nghĩa	Thể hiện giá trị đạo đức truyền thống tưởng nhớ công lao dựng nước của các vua Hùng và tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc.
Biểu hiện	ở hoạt động thờ cúng các Vua Hùng và hướng về ngày giỗ Tổ, với lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ) được tổ chức trên quy mô lớn.

Nhiệm vụ 1b

CH	1	2	3	4	5
ĐA	A	D	D	B	D

Nhiệm vụ 2

Mục	Tín ngưỡng thờ mẫu
Nguồn gốc	Chế độ mẫu hệ thời nguyên thủy và tục thờ các nữ thần đại diện cho thiên nhiên như nữ thần Mặt Trời, nữ thần Mặt Trăng,...
Phạm vi	Cả nước
Các loại hình	Hệ thống nghi lễ và lễ hội trong tín ngưỡng thờ Mẫu rất đa dạng và có nhiều nét đặc sắc. Trong đó nổi bật là nghi lễ Hầu bóng (lên đồng) và hệ thống lễ hội “Tháng Tám giỗ Cha”, “Tháng Ba giỗ Mẹ”
Ý nghĩa	Mang đậm tính nhân văn, tính dân tộc, góp phần phát huy tinh thần đoàn kết chống thiên tai và ngoại xâm trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
 HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.
 GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

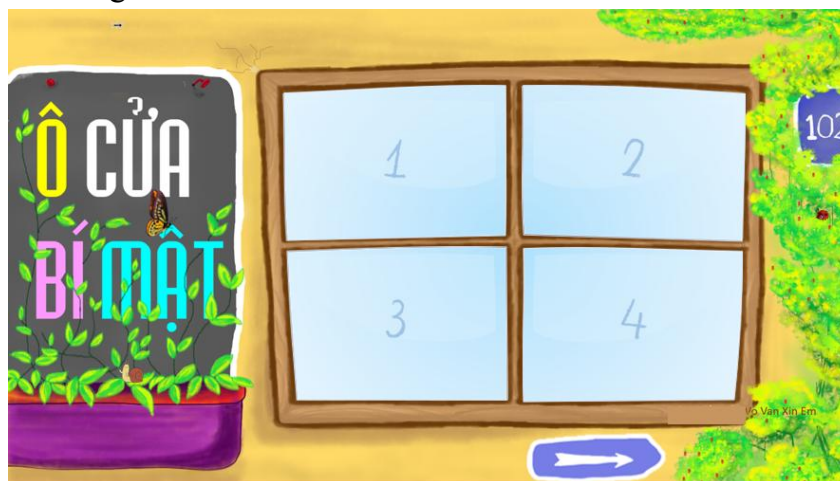
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Ô cửa bí mật”

Mỗi nhóm sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm, Nhóm nào có đáp án nhanh và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.



Câu hỏi số 1: Giỗ tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày

- A. 10/3 âm lịch hàng năm
- B. 10/3 dương lịch hàng năm
- C. 10/5 âm lịch hàng năm
- D. 10/6 dương lịch hàng năm

Câu hỏi số 2 : Tín ngưỡng thờ mẫu phản ánh đậm nét đặc trưng của văn hóa gì ở nước ta

- A. Công nghiệp
- B. Thủ công nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Thương nghiệp

Câu hỏi số 3: Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam có nguồn gốc bản địa lâu đời từ tín ngưỡng thờ..?

- A. Nữ thần
- B. Động vật
- C. Nam thần
- D. Thực vật

Câu hỏi số 4: Người lao động được nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương từ năm nào?

- A. 2004
- B. 2006
- C. 2005
- D. 2007

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	A	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về nghi thức hầu đồng cho bạn bè thế giới biết tới.**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS tham gia trò chơi theo nhóm

Liệt kê tên 5 anh hùng dân tộc trong lịch sử Việt Nam mà em biết?

Nhóm nào nhanh và đúng nhất sẽ giành được điểm cộng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm





Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

II. Một số tín ngưỡng ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; (Thờ thành hoàng, Thờ anh hùng dân tộc) chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến										
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức Nhiệm vụ 1: Thờ Thành hoàng GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau		II. Một số tín ngưỡng ở Việt Nam 4.Thờ Thành hoàng a) Nguồn gốc Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Việt Nam có nguồn gốc từ tục thờ thổ thần (thần bản địa) ở các làng xóm b) Biểu hiện - Đối tượng thờ cúng của tín ngưỡng thờ Thành hoàng rất đa dạng. Địa điểm thờ Thành hoàng là đình làng - Hoạt động thờ cúng Thành hoàng được thực hiện vào nhiều dịp trong năm. 5. Thờ anh hùng dân										
<table><tr><th>Mục</th><th>Tín ngưỡng thờ Thành hoàng</th></tr><tr><td>Nguồn gốc</td><td></td></tr><tr><td>Địa điểm thờ cúng</td><td></td></tr><tr><td>Đối tượng thờ cúng</td><td></td></tr><tr><td>Ý nghĩa</td><td></td></tr></table>		Mục	Tín ngưỡng thờ Thành hoàng	Nguồn gốc		Địa điểm thờ cúng		Đối tượng thờ cúng		Ý nghĩa		
Mục	Tín ngưỡng thờ Thành hoàng											
Nguồn gốc												
Địa điểm thờ cúng												
Đối tượng thờ cúng												
Ý nghĩa												

Nhiệm vụ 2: Thờ anh hùng dân tộc

Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

Mục	Tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc
Nguồn gốc	
Đối tượng thờ cúng	
Cơ sở thờ tự	
Thực hành nghi lễ	
Ý nghĩa	

Nhiệm vụ 3: Bài tập

GV tổ chức trò chơi: Lịch sử tôi yêu

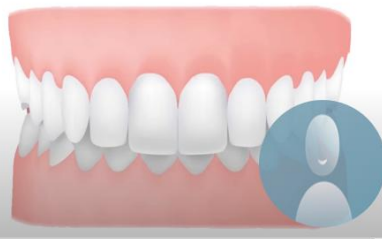
HS chơi theo nhóm, nhìn hình bắt chữ, nhóm nào trả lời nhanh và đúng sẽ có điểm cộng



Đây là ai nào?



LÊ LỢI



ĐÂY LÀ ANH HÙNG NÀO ?



HAI BÀ TRƯNG



tộc

a) Nguồn gốc

Tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc xuất phát từ sự tưởng nhớ và biết ơn những người có công lao đối với cộng đồng, đất nước

b) Biểu hiện

- Biểu hiện chủ yếu của tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc là xây dựng cơ sở thờ tự, thực hiện thờ cúng, tổ chức lễ hội.

ĐÂY LÀ ANH HÙNG NÀO ?



LÝ BÍ



ĐÂY LÀ ANH HÙNG NÀO ?



QUANG TRUNG



ĐÂY

BÀ TRIỆU

?



ĐÂY LÀ ANH HÙNG NÀO ?

TRẦN HƯNG ĐẠO

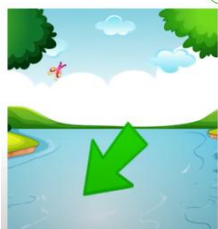


Đây là tên vị vua nào nhỉ ?



ĐÂY LÀ ANH HÙNG NÀO ?

HỒ CHÍ MINH



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu

Nhiệm vụ 1



"Thành hoàng" là từ gốc Hán. Theo nghĩa ban đầu, "thành" là cái thành, "hoàng" là cái hào đào sâu bao quanh thành. Về sau, Thành hoàng trở thành từ chỉ vị thần được cho là bảo trợ thành trì, đô thị ở Trung Hoa. Khi du nhập vào Việt Nam, Thành hoàng được coi là vị thần bảo vệ

làng xã.

Bảng 3. Các vị thần, nhân vật được thờ làm Thành hoàng ở Việt Nam

Nhiên thần	Nhân thần		
Các vị thần có nguồn gốc tự nhiên (núi, sông, đá,...).	Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, người có công đánh đuổi giặc ngoại xâm, phát triển văn hoá,...	Tổ nghề (người có công truyền dạy cho dân làng một nghề thủ công nào đó),...	Các nhân vật khác (người có công khai phá lập làng hoặc từ nơi khác đến nhưng hiển linh giúp làng,...).
Thần núi Tản Viên, thần Bạch Thạch, thần Tam Điệp Sơn,...	Bà Trưng, Bà Triệu, Dương Đình Nghệ, Tô Hiến Thành, Nguyễn Trung Ngạn,...	Hứa Vĩnh Kiếu (tổ nghề làng gốm Bát Tràng, Phù Lãng), Nguyễn Công Truyền (tổ nghề đúc đồng làng Đại Bái),...	Thoại Ngọc Hầu (có công khai phá vùng đất An Giang); Nguyễn Tạo (có công lập làng Thủy Lạc, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình),...

Thành hoàng có thể là nhiên thần hoặc nhân thần, được người dân thờ trong đình, đền, miếu,... Thần điện trong miếu thường là một bệ thờ để đặt lư hương, đèn, bình hoa. Thần điện trong các đình, đền bài trí trang trọng hơn với khám thờ, hai bên đặt Tả ban, Hữu ban, Tiền hiền, Hậu hiền thờ những vị thần linh phối hưởng.



Đình làng Đình Bảng

Đình làng Đình Bảng (tên Nôm là đình Báng) thuộc làng Đình Bảng (thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Đình được xây dựng từ năm 1700 đến năm 1736, thờ các vị Thành hoàng gồm Cao Sơn Đại vương (thần Núi), Thủy Bá Đại vương (thần Nước) và Bách Lệ Đại vương (thần Đất), đồng thời thờ 6 vị có công lập lại làng thế kỷ XV. Đình làng Đình Bảng được coi là một trong những ngôi đình cổ có kiến trúc đẹp nhất còn tồn tại đến ngày nay.

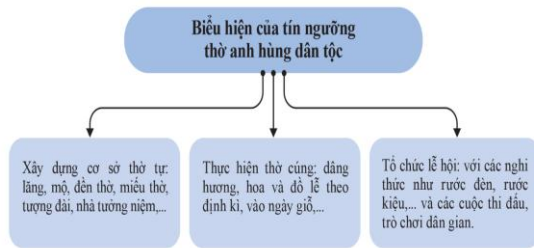
Nhiệm vụ 2

Tín ngưỡng thờ các anh hùng dân tộc được thực hiện dưới nhiều hình thức như lập đền thờ, miếu thờ, tượng đài, khu tưởng niệm, lập bia ghi công đức,... Đối tượng được thờ trong tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Trương Định, Nguyễn Trung Trực,...



Nghi thức thờ cúng anh hùng dân tộc được tổ chức ở cấp độ quốc gia hoặc địa phương, bao gồm phần lễ và phần hội. Phần lễ diễn ra vào ngày giỗ của các vị anh hùng hoặc vào tiết xuân, thu hằng năm với nghi thức rước kiệu, dâng hương, tế cáo. Phần hội gồm nhiều sinh hoạt cộng đồng như diễn xướng, thi đấu võ, vật, các trò chơi dân gian,...

Biểu hiện chủ yếu của tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc là xây dựng cơ sở thờ tự, thực hiện thờ cúng, tổ chức lễ hội.



Hình 11. Biểu hiện của tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc

GV cho HS xem thêm các video về tín ngưỡng anh hùng dân tộc và tín ngưỡng thờ Thành hoàng

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1

Mục	Tín ngưỡng thờ Thành hoàng
Nguồn gốc	Từ tục thờ thổ thần (thần bản địa) ở các làng xóm. Trong quá trình phát triển, việc thờ thổ thần từng bước được thay thế bằng thờ Thành hoàng.
Địa điểm thờ cúng	Địa điểm thờ Thành hoàng là đình làng
Đối tượng thờ cúng	Thờ Thành hoàng rất đa dạng, gồm Thành hoàng là thiên thần (thần Mây, thần Mưa, thần Sấm, thần Chớp,...); Thành hoàng là nhiên

	thần (thần Nước, thần Đất, thần Núi,...); Thành hoàng là nhân thần (nhân vật lịch sử, danh nhân, người lập làng,...).	
Ý nghĩa	Thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn, mong muốn được bảo vệ và được trường tồn của người dân trong các làng, xã.	
Nhiệm vụ 2		
Mục	Tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc	
Nguồn gốc	Xuất phát từ sự tưởng nhớ và biết ơn những người có công lao đối với cộng đồng, đất nước	
Đối tượng thờ cúng	Những người có đóng góp trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, khai hoang lập làng, chữa bệnh cứu dân, dạy học, truyền nghề....	
Cơ sở thờ tự	Trải dài khắp đất nước với nhiều tên gọi khác nhau như: đền, miếu, nhà thờ, khu tưởng niệm.....	
Thực hành nghi lễ	Nghi lễ thờ cúng các anh hùng dân tộc thường được thực hiện vào ngày giỗ của các vị anh hùng và dịp mùa xuân, mùa thu trong năm.	
Ý nghĩa	Tín ngưỡng thờ cúng anh hùng dân tộc không chỉ giúp các thế hệ sau thể hiện sự biết ơn tiền nhân mà còn giúp họ biết noi gương các bậc anh hùng trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước hiện nay.	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Plants và Zombies”

Mỗi nhóm sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm, Nhóm nào có đáp án nhanh và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.



Câu hỏi số 1: Danh nhân nào dưới đây KHÔNG khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước?

- A. Ngô Quyền
- B. Lý Thường Kiệt
- C. Lê Văn Hưu
- D. Trần Quốc Tuấn

Câu hỏi số 2 :Danh nhân nào sau đây đứng đầu các vương triều, chính quyền; đề ra đường lối, chính sách, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước ?

- A. Tuệ Tĩnh
- B. Chu Văn An
- C. Đào Duy Từ
- D. Đinh Bộ Lĩnh

Câu hỏi số 3: Danh nhân nào sau đây có nhiều đóng góp về văn hoá, giáo dục, tạo ra những phát minh, sáng chế, sáng lập các trường phái tư tưởng,.. góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá và khoa học, kĩ thuật nước nhà.

- A. Lê Quý Đôn
- B. Đinh Bộ Lĩnh
- C. Lê Lợi .
- D. Trần Nhân Tông

Câu hỏi số 4: Danh nhân nào dưới đây khởi xướng, tập hợp, lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước?

- A. Nguyễn Trãi.
- C. Nguyễn Du
- B. Hai Bà Trưng
- D. Chu Văn An

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	D	A	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Sưu tầm những giai thoại về các anh hùng dân tộc mà em yêu thích trong lịch sử Việt Nam. Chia sẻ tư liệu đó cho thầy cô và bạn học**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T4)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.

- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi
? Em hãy cho biết đây là địa danh nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến														
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức Nhiệm vụ 1: Nho giáo GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau		III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 1. Nho giáo a) Nguồn gốc và quá trình du nhập, phát triển Nho giáo vốn là một học thuyết chính trị, đạo đức, xã hội hình thành từ thời Tây Chu ở Trung Hoa b) Biểu hiện trong đời sống văn hoá – xã hội - Xây dựng cơ sở thờ tự (Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ), thờ Khổng Tử, Chu Công cùng các học trò và các nhà khoa bảng, các bậc danh nho - Thực hiện lễ giáo, phép tắc giao tiếp, ứng xử trong quan hệ gia đình, xã hội.														
<table><tr><th>5W1H</th><th>Câu hỏi</th></tr><tr><td>What (Cái gì):</td><td>Nho giáo là gì?</td></tr><tr><td>When (Khi nào):</td><td>Nho giáo được truyền bá vào nước ta từ khi nào? Trở nên thịnh đạt vào thời nào?</td></tr><tr><td>Where (Ở đâu):</td><td>Nho giáo có nguồn gốc từ đâu?</td></tr><tr><td>Who (Ai)</td><td>Ai là người sáng lập ra Nho giáo?</td></tr><tr><td>Why (Tại sao)</td><td>Tại sao từ thời Lý, Nho giáo dần được đề cao, triều đình cho dựng Văn Miếu, đúc tượng Khổng Tử, Chu Công để thờ ở kinh thành Thăng Long.</td></tr><tr><td>How (Thế nào):</td><td>Những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam hiện nay như thế nào?</td></tr></table>	5W1H	Câu hỏi	What (Cái gì):	Nho giáo là gì?	When (Khi nào):	Nho giáo được truyền bá vào nước ta từ khi nào? Trở nên thịnh đạt vào thời nào?	Where (Ở đâu):	Nho giáo có nguồn gốc từ đâu?	Who (Ai)	Ai là người sáng lập ra Nho giáo?	Why (Tại sao)	Tại sao từ thời Lý, Nho giáo dần được đề cao, triều đình cho dựng Văn Miếu, đúc tượng Khổng Tử, Chu Công để thờ ở kinh thành Thăng Long.	How (Thế nào):	Những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam hiện nay như thế nào?		
5W1H	Câu hỏi															
What (Cái gì):	Nho giáo là gì?															
When (Khi nào):	Nho giáo được truyền bá vào nước ta từ khi nào? Trở nên thịnh đạt vào thời nào?															
Where (Ở đâu):	Nho giáo có nguồn gốc từ đâu?															
Who (Ai)	Ai là người sáng lập ra Nho giáo?															
Why (Tại sao)	Tại sao từ thời Lý, Nho giáo dần được đề cao, triều đình cho dựng Văn Miếu, đúc tượng Khổng Tử, Chu Công để thờ ở kinh thành Thăng Long.															
How (Thế nào):	Những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam hiện nay như thế nào?															
Nhiệm vụ 2: Thảo luận cặp đôi ?Em hãy lý giải 5 đức tính của người quân tử ngày xưa? Cho biết em có bao nhiêu đức tính trong số 5 đức tính đó																

?Em hãy lý giải 4 đức tính của người phụ nữ ngày xưa?
Cho biết em có bao nhiêu đức tính trong số 4 đức tính đó

CÂU HỎI CHO CÁC BẠN NAM

?Trong thời đại hiện nay, theo em một người phụ nữ nên có những đức tính nào? (gợi ý: nếu em lấy vợ thì người vợ đó nên có những đức tính gì?)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu

Nhiệm vụ 1

Từ thế kỉ XV, việc xây dựng Văn miếu từng bước được mở rộng đến các đạo, trấn; Văn từ, Văn chỉ ngày càng phổ biến ở các huyện, xã.



Văn miếu Xích Đằng (Hưng Yên)

Thực hiện lễ giáo, phép tắc giao tiếp, ứng xử trong quan hệ gia đình, xã hội

Sự chi phối của Nho giáo thể hiện qua những quan điểm và nguyên tắc về “chính danh, định phận”, thực hiện các chuẩn mực về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín nhằm duy trì tôn ti, trật tự xã hội.

Sử dụng tư tưởng Nho giáo làm một nội dung trong giáo dục, khoa cử.

Từ nửa sau thế kỉ XV, hệ thống trường lớp ở mọi cấp học đều hướng đến Nho giáo. Phần lớn đề bài trong các kì thi đều liên quan đến Tứ Thư, Ngũ Kinh những kinh điển của Nho giáo.

Nhiệm vụ 2

Người quân tử là người có đầy đủ năm đức tính, được gọi là ngũ thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín

Nhân: Lòng yêu thương đối với muôn loài vạn vật.

Lễ: Sự tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.

Nghĩa: Cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải. Trí: Sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.

Tín: Giữ đúng lời, đáng tin cậy.

Các tiêu chuẩn cơ bản của phụ nữ theo thuyết “Tam tông, Tứ đức” của Khổng Tử

Thuyết “Tam tông, Tứ đức” với các chuẩn mực: Công- Dung- Ngôn- Hạnh đây là các tiêu chuẩn cơ bản của phụ nữ, mỗi phụ nữ cần tu luyện, hoàn thiện mình.

Công: nữ công, làm việc chăm chỉ, chu đáo

Dung: nét mặt, trang phục gọn gàng, kín chu

Ngôn: nói năng, ứng xử cẩn trọng, lịch sự

Hạnh: tính nết, đạo đức tốt đẹp

GV cho HS xem thêm các video về nho giáo

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

5W1H	Câu hỏi
What (Cái gì):	Nho giáo vốn là một học thuyết chính trị, đạo đức, xã hội hình thành từ thời Tây Chu ở Trung Hoa, với vai trò quan trọng của Chu Công Đán.
When (Khi nào):	Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc. Dưới thời Lý – Trần, Nho giáo từng bước phổ biến, gắn với chính sách giáo dục, khoa cử của triều đình. Từ thời Lê sơ, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn.
Where (Ở đâu):	Nho giáo có nguồn gốc từ Trung Quốc, thế kỉ VI TCN
Who (Ai)	Khổng Phu Tử hay Khổng Tử (28 tháng 9, 551 TCN – 11 tháng 4, 479 TCN) là một triết gia kiêm chính trị gia Trung Quốc, sống vào thời Xuân Thu. Theo truyền thống, ông được xem là nhà hiền triết Trung Quốc mẫu mực nhất. Hệ thống giáo lý triết học của Khổng Tử, Nho giáo, nhấn mạnh yếu tố đạo đức của mỗi cá nhân lẫn chính quyền, tính đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội, sự công bằng, lòng nhân ái và tính

	chân thành.	
Why (Tại sao)	Trong lịch sử: Nho giáo được xem là hệ tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đến xã hội, đạo đức và văn hoá, giáo dục ở các triều đại từ Lý, Trần đến Nguyễn.	
How (Thế nào):	- Xây dựng cơ sở thờ tự (Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ), thờ Khổng Tử, Chu Công cùng các học trò và các nhà khoa bảng, các bậc danh nho - Thực hiện lễ giáo, phép tắc giao tiếp, ứng xử trong quan hệ gia đình, xã hội. - Sử dụng tư tưởng Nho giáo làm một nội dung trong giáo dục, khoa cử	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Nấu bánh chưng”

Mỗi nhóm sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm, Nhóm nào có đáp án nhanh và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.



Câu hỏi số 1: Ý nào đúng khi nói về Nho giáo ở Việt Nam?

- A. Nho giáo giữ vị trí độc tôn thời Trần
- B. Nho giáo giữ vị trí độc tôn thời Lê sơ.
- C. Nho giáo giữ vị trí độc tôn thời Lý.
- D. Nho giáo là tôn giáo độc tôn trong tất cả các triều đại phong kiến Việt Nam.

Câu hỏi số 2 :Luận điểm nào của Nho giáo quy định tôn ti trật tự xã hội phong kiến?

- A. Tam tông tứ đức
- B. Quân, sư, phụ
- C. Ngũ thường
- D. Tam cương

Câu hỏi số 3: Nho giáo được lập ra bởi

- A. Trang Tử
- B. Hàn Mặc Tử
- C. Khổng Tử
- D. Lão Tử

Câu hỏi số 4: Người Hán truyền bá Nho giáo vào nước ta, bắt nhân dân ta phải

- A. Thay đổi phong tục theo người Hán.
- B. Học chữ nho
- C. Lấy người Hán
- D. Sùng bái Nho giáo

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	D	C	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T5)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem video và trả lời câu hỏi

? Xem đoạn video và cho biết Nguồn gốc và ý nghĩa của Lễ Phật đản

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau		III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 2. Phật giáo a) Nguồn gốc và quá trình du nhập, phát triển - Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào thế kỉ VI TCN, người sáng lập là Xít-đắc-ta Gô-ta-ma (còn gọi là Đức Phật, Bụt, Phật Thích Ca). - Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ khoảng đầu Công nguyên và từng bước trở thành tôn giáo phổ biến b) Biểu hiện trong đời sống văn hoá xã hội - Thực hiện những hoạt động thể hiện sự quan tâm, tin theo Phật pháp - Tổ chức, tham gia những ngày lễ, dịp lễ Phật giáo trong năm
5W1H	Câu hỏi	
What (Cái gì):	Triết lí nào của Phật giáo có sự tương đồng cao với văn hoá truyền thống của cư dân trên lãnh thổ Việt Nam?...	
When (Khi nào):	Phật giáo từ Ấn Độ truyền bá vào Việt Nam khi nào? Phật giáo trở thành quốc giáo ở Việt Nam khi nào?...	
Where (Ở đâu):	Phật giáo có nguồn gốc từ đâu? Các hoạt động của Phật giáo được thực hành ở đâu?...	
Who (Ai)	Tổ chức nào đang quản lí Phật giáo ở Việt Nam hiện nay?...	
Why (Tại sao)	Vì sao Phật giáo có sức sống mạnh mẽ ở Việt Nam?...	
How (Thế nào):	Phật giáo Việt Nam hiện nay phải làm thế nào để tiếp tục phát triển mạnh mẽ?...	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập		

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu

Trong buổi đầu độc lập, tự chủ, Phật giáo đóng vai trò dẫn dắt, định hướng văn hoá của dân tộc. Các thiền sư đồng thời cũng là những nhà văn hoá, chính trị, ngoại giao xuất sắc có vai trò quan trọng trong công cuộc hộ quốc, an dân.



Dưới thời Lý – Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh. Các công trình chùa, tháp Phật giáo được xây dựng khắp nơi. Dòng Phật giáo Trúc Lâm mang tính bản địa của riêng Việt Nam ra đời dưới thời Trần.

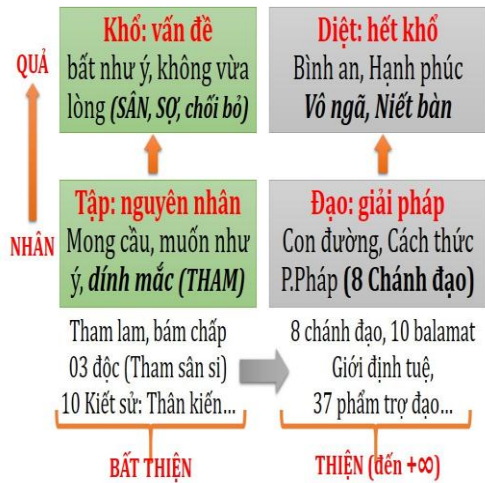


Từ thời Lê sơ, Phật giáo từ chỗ cực thịnh đã mất dần vị thế, sau này, có sự khởi sắc ở một số thời kì nhưng không còn giữ được vai trò như trước nữa.



Tứ diệu đế

4 sự thật màu nhiệm, 4 chân lý (2 cặp nhân quả)



GV cho HS xem thêm các video về đạo Phật

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

5W1H	Câu hỏi
What (Cái gì):	Trong quá trình du nhập và phát triển, Phật giáo đã chứng tỏ là một tôn giáo hoà bình, dung hợp với tín ngưỡng truyền thống của người Việt. Tinh thần Từ - Bi - Hi - Xả của Phật giáo đã giáo dục con người biết sống vị tha, hoà hợp, coi trọng bình đẳng và tiến bộ xã hội.
When (Khi nào):	- Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ khoảng đầu Công nguyên và từng bước trở thành tôn giáo phổ biến - Dưới thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Phật giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống cung đình và đời sống dân gian, được coi như quốc giáo.
Where (Ở đâu):	- Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, được hình thành vào thế kỉ VI TCN. - Các ngôi chùa không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, mà còn đóng vai trò là một trung tâm văn hoá hướng con người đến với các giá trị chân, thiện, mỹ.
Who (Ai)	- Phật giáo ở Việt Nam hiện nay đang hoạt động dưới sự quản lí của Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo phương châm "Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội".
Why (Tại sao)	- Đạo Phật đi vào đời sống văn hoá xã hội bằng sức sống mạnh mẽ, để lại dấu ấn khắp thành thị, nông thôn bằng hệ thống chùa, tháp. - Triết lí từ bi, bình đẳng, bác ái, hướng con người hành thiện của Phật giáo có sự tương đồng cao với văn hoá truyền thống của các khối cư dân trên lãnh thổ Việt Nam
How (Thế nào):	Để tiếp tục phát huy những giá trị tích cực của mình, Phật giáo ngày nay phải biết tự giữ gìn, bồi đắp và đổi mới cho phù hợp với thời đại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu "là hoàng dương Phật pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ

	quốc Việt Nam, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hoà bình, an lạc cho thế giới".	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Đường lên đỉnh Olympia”
 HS trả lời cá nhân, đa tay trả lời nhanh và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.



Câu hỏi số 1: Phật giáo có nguồn gốc từ nước nào?

- A. Ấn Độ
- B. Trung Quốc
- C. Hàn Quốc
- D. Nhật Bản

Câu hỏi số 2 :Phật giáo được hình thành vào khoảng thời gian nào

- A. Thế kỉ V TCN
- B. Thế kỉ VI TCN
- C. Thế kỉ VII TCN

D. Thế kỉ VIII TCN

Câu hỏi số 3: Phật giáo từ Ấn Độ được truyền bá vào Việt Nam khoảng thời gian nào?

A. Đầu công nguyên

B. Thế kỉ VI TCN

C. Thế kỉ VII TCN

D. Thế kỉ VIII TCN

Câu hỏi số 4: Người đứng đầu Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay là ai?

A. Thiền sư Khuông Việt

B. Thiền sư Vạn Hạnh

C. Hòa thượng Thích Chân Quang

D. Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Quảng

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	A	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T6)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

- Tích hợp năng lực số: - [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều.
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem hình ảnh yêu cầu HS và trả lời câu hỏi
?Những hình ảnh này đang gợi nhớ cho em ngày lễ nào ở nước ta?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Đạo giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau		III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 3. Đạo giáo a) Nguồn gốc và quá trình du nhập, phát triển Đạo giáo còn có tên là Lão giáo hoặc đạo Lão, hình thành ở Trung Quốc từ thời kì cổ đại. Đạo giáo du nhập vào Việt Nam từ thời kì Bắc thuộc. b) Biểu hiện trong đời sống văn hoá – xã hội - Thực hành luyện đan, tu luyện dưỡng sinh, khí công, hướng tới “trường sinh bất tử”,... - Thực hành những hoạt động liên quan đến quan niệm về số mệnh hoặc mong muốn an toàn, may mắn.. - Tổ chức, tham gia những ngày lễ, dịp lễ Đạo giáo trong năm
5W1H	Câu hỏi	
What (Cái gì):	"Đạo" của Lão Tử là gì? Cơ sở lí luận của Đạo giáo dựa trên những yếu tố nào?.	
When (Khi nào):	Người Việt đã mượn Đạo giáo như "một thứ vũ khí" chống âm mưu đồng hoá của phương Bắc khi nào?	
Where (Ở đâu):	Đạo giáo được hình thành ở đâu? Đạo quán vẫn còn tồn tại ở những nơi nào?	
Who (Ai)	Ai sáng lập ra Đạo giáo? Các triều đại nào trọng dụng các đạo sĩ không kém các tăng sư?	
Why (Tại sao)	Hiện nay, dù không còn tồn tại như một tôn giáo riêng, vì sao Đạo giáo vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến đời sống văn hoá-xã hội Việt Nam?	
How	Đạo giáo tiếp tục ảnh hưởng đến	

(Thế nào):

đời sống văn hoá – xã hội Việt Nam như thế nào?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu

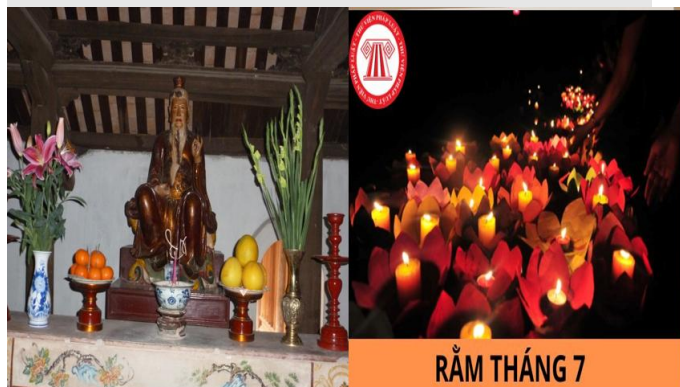
Đạo Đức Kinh là quyển sách do triết gia Lão Tử viết ra vào khoảng năm 600 TCN. Theo truyền thuyết thì Lão Tử vì chán chương thế sự nên cưỡi trâu xanh đi ở ẩn. Ông Doãn Hỷ đang làm quan giữ ải Hàm Cốc níu lại "nếu ngài quyết đi ẩn cư xin vì tôi để lại một bộ sách!", Lão Tử bèn ở lại cửa ải Hàm Cốc viết bộ "Đạo Đức Kinh" dặn Doãn Hỷ cứ tu theo đó thì đắc đạo. Do đó, Đạo Đức Kinh còn được gọi là sách Lão Tử.



Trần Vũ quán

Huyền Thiên quán

Lão Tử (580 TCN - 500 TCN) là một nhân vật chính yếu trong Triết học Trung Quốc. Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông sống ở thế kỷ VI TCN. Nhiều học giả hiện đại cho rằng ông sống ở thế kỷ IV TCN, thời Bách gia chư tử, khoảng giữa thời kỳ Xuân Thu và đầu thời kỳ Chiến Quốc. Lão Tử được coi là người viết Đạo đức kinh - cuốn sách của Đạo giáo có ảnh hưởng lớn, và ông được công nhận là Khai tổ của Đạo giáo (Đạo tổ 道祖), là một trong ba tôn giáo có ảnh hưởng mạnh đến văn hóa Trung Hoa, hay còn gọi là Tam giáo.



Thực hành luyện đan, tu luyện dưỡng sinh, khí công, hướng tới “trường sinh bất tử”,... Đây là những dấu hiệu của Đạo giáo thần tiên, phổ biến trong tầng lớp quý tộc, người giàu có trước đây.

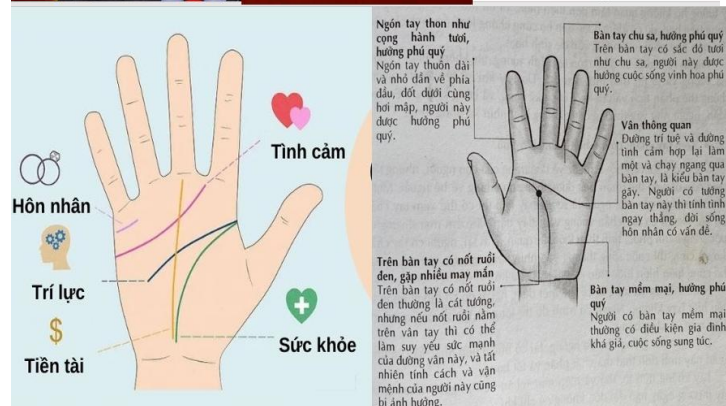
KHÍ CÔNG CÓ TÁC DỤNG GÌ CHO SỨC KHỎE CỦA BẠN?

- 01 Tạo cân bằng âm dương
- 02 Điều hòa khí huyết
- 03 Lưu thông kinh lạc
- 04 Bồi dưỡng chân khí
- 05 Dự phòng và điều trị bệnh
- 06 Bảo vệ và kiên toàn sức khỏe
- 07 Kéo dài tuổi thọ

KHÍ CÔNG

TỰ CHỮA BỆNH - DƯỠNG SINH

Thực hành những hoạt động liên quan đến quan niệm về số mệnh hoặc mong muốn an toàn, may mắn, như xem tử vi, xem tướng số, xem đất, xem hướng, xem phong thủy,...



Lối sống lui về ẩn dật, hướng đến sự thanh bình, nhàn nhã, gần gũi với thiên nhiên, phổ biến ở một bộ phận trí thức khi về già hoặc những quan lại gặp chuyện bất bình trong chốn quan trường trước đây.



Tổ chức, tham gia những ngày lễ, dịp lễ Đạo giáo trong năm, nổi bật là lễ Trung nguyên vào ngày 15 tháng 7 (âm lịch). Trong ngày này, các đạo quán lập đàn chay, người dân cúng chay và đốt vàng mã để dâng tiến gia tiên.

GV cho HS xem thêm các video về Đạo giáo

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

5W1H	Câu hỏi
What (Cái gì):	“Đạo” của Lão Tử là một khái niệm chỉ cái tự nhiên, có sẵn một cách tự nhiên, "Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam

	sinh vạn vật”. “Đức” là biểu hiện cụ thể của “Đạo” trong từng sự vật. Lão Tử cho rằng khi theo “Đạo”, dục vọng mỗi ngày mỗi giảm, giảm rồi lại giảm nữa, cho đến “vô vi” (không can thiệp mà để sự vật, hiện tượng tồn tại theo lẽ tự nhiên).	
When (Khi nào):	Thời Bắc thuộc người Việt đã mượn Đạo giáo như "một thứ vũ khí" chống âm mưu đồng hoá của phương Bắc	
Where (Ở đâu):	- Đạo giáo còn có tên là Lão giáo hoặc đạo Lão, hình thành ở Trung Quốc từ thời kì cổ đại - Ở một số địa phương vẫn còn các đạo quán như Thăng Long tử quán (Trần Vũ quán, Huyền Thiên quán, Đồng Thiên quán...)	
Who (Ai)	- Đạo giáo bắt nguồn từ tư tưởng về Đạo của Lão Tử (khoảng thế kỉ VI - V TCN) – người biên soạn sách Đạo đức kinh – và Trang Tử (369 - 286 TCN) – người biên soạn sách Nam Hoa kinh. - Từ thế kỉ X, các triều đại quân chủ ở Việt Nam (Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần) đều trọng dụng các đạo sĩ không kém các tăng sư trong vai trò cố vấn cho triều đình	
Why (Tại sao)	Đạo giáo tìm thấy rất nhiều điểm tương đồng với tín ngưỡng của người Việt nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam	
How (Thế nào):	- Đạo giáo được thể hiện trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên qua một số nghi lễ thờ cúng, ma chay,... - Tôn giáo này cũng có sự tương đồng với tín ngưỡng thờ Mẫu trong quan niệm về hệ thống thần tiên và hình tượng, sắc phục của các vị Mẫu. - Trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng, ảnh hưởng của Đạo giáo thể hiện ở thời gian và không gian xuất hiện của các nhân vật trong thần tích.	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa		

các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Đua thuyền”



GV chia lớp thành 2 nhóm, Mỗi nhóm sẽ cử đại diện ghi câu trả lời đúng lên bảng, nhóm nào đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.

Câu hỏi số 1: Đạo giáo được hình thành ở vùng nào của Trung Quốc

- A. Phía Bắc
- B. Phía Nam
- C. Phía Đông
- D. Phía Tây

Câu hỏi số 2 :Thời nào người Việt đã mượn Đạo giáo như “một thứ vũ khí” chống âm mưu đồng hoá của các thế lực phong kiến phương Bắc.

- A. Thời Nhà Ngô
- B. Thời Bắc thuộc
- C. Thời nhà Đinh
- D. Thời nhà Nguyễn.

Câu hỏi số 3: Từ thế kỉ X, các triều đại quân chủ nào ở Việt Nam đều trọng dụng các đạo sĩ không kém các tăng sư trong vai trò cố vấn cho triều đình

- A. Ngô, Đinh, Tiền Lê
- B. Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần
- C. Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ

D. Lý, Trần, Hồ, Lê sơ

Câu hỏi số 4: Đạo giáo được truyền bá vào Việt Nam khoảng cuối thế kỉ mấy?

A. Đầu công nguyên

B. Thế kỉ I

C. Thế kỉ II

D. Thế kỉ III

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	B	B	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Đạo giáo**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO VIỆT NAM (T7)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

-Tích hợp năng lực số:- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều

- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem video về chúa Giêsu yêu cầu HS và trả lời câu hỏi
?Xem đoạn video và cho biết đoạn video này đang nói về nhân vật nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Cơ đốc giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Cơ đốc giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.	III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 4. Cơ đốc giáo a) Nguồn gốc và quá

Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn.

Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau

5W1H	Câu hỏi
What (Cái gì):	Cơ Đốc giáo còn có những tên gọi khác nào?
When (Khi nào):	Cơ Đốc giáo được truyền bá vào Việt Nam từ khi nào?
Where (Ở đâu):	Cơ Đốc giáo có nguồn gốc từ đâu?.
Who (Ai)	Năm 1980, tổ chức nào ra "Thư chung"...
Why (Tại sao)	Vì sao Hội đồng Giám mục Việt Nam ra "Thư chung" năm 1980?.
How (Thế nào):	Cơ Đốc giáo Việt Nam hiện nay chủ trương hoạt động thế nào để góp phần xây dựng và phát triển đất nước?.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV cung cấp thông tin tư liệu



Công giáo được các giáo sĩ phương Tây truyền bá vào Việt Nam từ thế kỉ XVI. Đến thế kỉ XIX, quá trình truyền bá của Công giáo gặp khó khăn do chính sách cấm đạo của Triều Nguyễn.

trình du nhập, phát triển

- Cơ Đốc giáo ra đời vào thế kỉ I tại vùng Giê-ru-sa-lem

- Cơ Đốc giáo, Việt Nam chủ yếu tiếp nhận Công giáo (từ thế kỉ XVI) và sau đó là Tin Lành (từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX).

b) Biểu hiện trong đời sống văn hoá - xã hội

- Thờ phụng Chúa, cầu nguyện, đọc Kinh Thánh,....

- Thực hiện những điều luật của Kinh Thánh hoặc lời răn dạy của Chúa trong đời sống

- Tổ chức, tham gia những ngày lễ, dịp lễ quan trọng trong năm



Công giáo phát triển ở miền Bắc (từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954) và có ảnh hưởng tương đối lớn ở miền Nam (từ năm 1954 đến năm 1975).

Từ năm 1975 đến nay, Công giáo Việt Nam tiếp tục được củng cố và phát triển.



Đầu thế kỉ XVI, trong Giáo hội Công giáo xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo, đưa đến sự ra đời của đạo Tin Lành. Đạo Tin Lành du nhập vào Việt Nam từ năm 1911



THƯ CHUNG NĂM 2022

CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM
VỀ GIÁO HỘI HIỆP HÀNH



GV cho HS xem thêm các video về đạo Phật

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

5W1H	Câu hỏi
What (Cái gì):	- Kitô giáo hay Cơ Đốc giáo (trong khẩu ngữ còn gọi là Thiên Chúa giáo, đạo Thiên Chúa hay ngắn gọn là đạo Chúa)
When (Khi nào):	Trong ba hệ phái có nguồn gốc Cơ Đốc giáo, Việt Nam chủ yếu tiếp nhận Công giáo (từ thế kỉ XVI) và sau đó là Tin Lành (từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX).
Where (Ở đâu):	Cơ Đốc giáo (còn gọi là Ki-tô giáo) ra đời vào thế kỉ 1 ở Giu-đê-a - vùng đất của người Do Thái khi đó đang chịu sự thống trị của đế quốc La Mã. Người sáng lập Cơ Đốc giáo là Giê-su.
Who (Ai)	Cha xứ là một chức phẩm của Giáo hội Công giáo Rôma, là giáo sĩ có quyền thực hiện các lễ nghi tôn giáo trực tiếp cho giáo dân.
Why (Tại sao)	Thực hiện những điều luật của Kinh Thánh hoặc lời răn dạy của Chúa trong đời sống, hướng đến việc “kính Chúa, yêu người”, cụ thể như thực hiện gia đình một vợ một chồng, hiếu thảo với cha mẹ, hoà thuận với anh chị em; đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng; làm việc thiện,....
How (Thế nào):	Cơ Đốc giáo Việt Nam hiện nay chủ trương: “sống Phúc Âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc”.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Plants và Zombies”

HS trả lời cá nhân, dự tay trả lời nhanh và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.



Câu hỏi số 1: Cơ Đốc giáo ra đời vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ III
- B. Thế kỉ IV
- C. Thế kỉ I
- D. Thế kỉ II

Câu hỏi số 2 :Cơ đốc giáo được truyền bá vào nước ta từ năm bao nhiêu

- A. 1858
- B. 1945
- C. 1533
- D. 1975

Câu hỏi số 3: Đạo Tin Lành du nhập vào nước ta từ năm nào?

- A. 1911
- B. 1945

C. 1954

D. 1975

Câu hỏi số 4: Cơ Đốc giáo còn có tên gọi nào sau đây

A. Đạo Nho

B. Đạo giáo

C. Ngoại đạo

D. Công giáo

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	C	A	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Cơ đốc giáo**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T8)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

- Tích hợp năng lực số: nguồn thông tin một cách có trách nhiệm.

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.

- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều.
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem hình ảnh yêu cầu HS và trả lời câu hỏi
?Những hình ảnh này đang gợi nhớ cho em ngày lễ nào của Hồi giáo?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

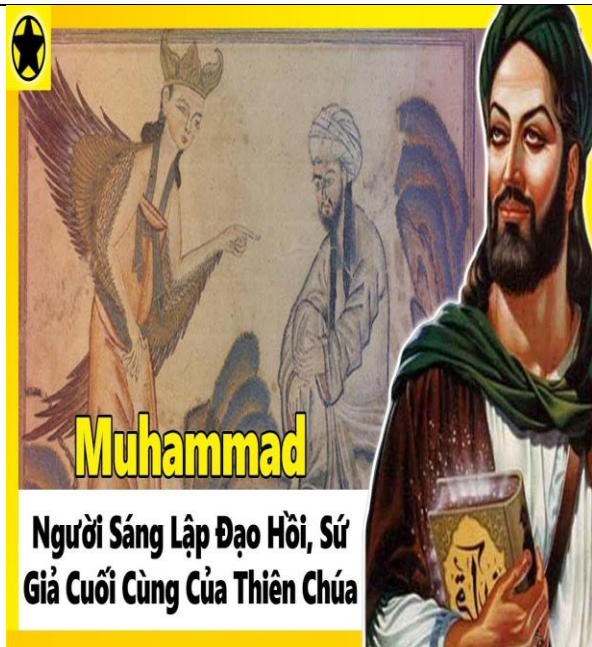
a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Hồi giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Hồi giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

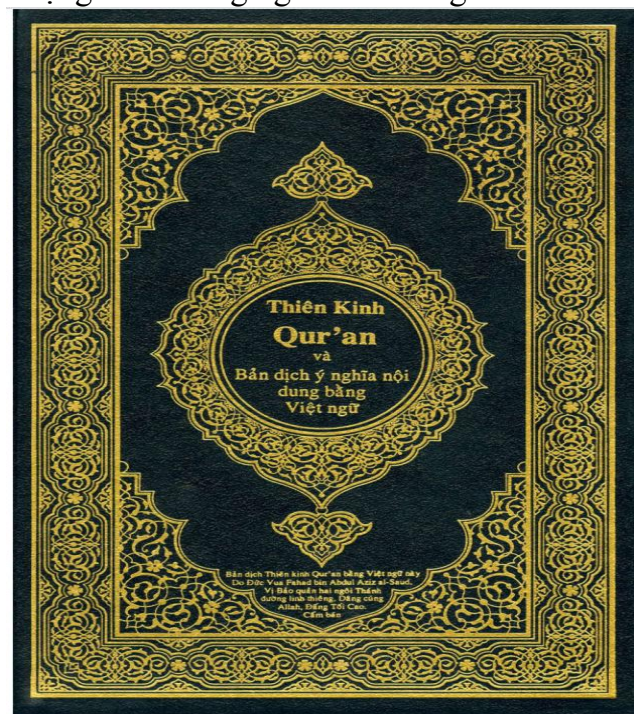
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học		Sản phẩm dự kiến								
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau		III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 5. Một số tôn giáo khác a. Hồi giáo - Hồi giáo ra đời vào thế kỉ VII tại bán đảo Ả Rập, người sáng lập là Mô-ha-mát. Hồi giáo tôn thờ thánh A-la - Ở Việt Nam, Hồi giáo được tiếp nhận đầu tiên bởi người Chăm vào khoảng thế kỉ X - Về lễ nghi, tín đồ Hồi giáo thực hiện một số lễ vòng đời quan trọng như lễ đặt tên, lễ thành niên, lễ cưới, lễ tang,... - Các lễ tết lớn của cộng đồng Hồi giáo Việt Nam là tháng lễ Ra-ma-đan (tháng 9 lịch Hồi giáo)..								
<table><tr><th>Mục</th><th>Hồi giáo</th></tr><tr><td>Sự hình thành</td><td></td></tr><tr><td>Quá trình truyền bá vào Việt Nam</td><td></td></tr><tr><td>Sự ảnh hưởng, biểu hiện</td><td></td></tr></table>			Mục	Hồi giáo	Sự hình thành		Quá trình truyền bá vào Việt Nam		Sự ảnh hưởng, biểu hiện	
Mục	Hồi giáo									
Sự hình thành										
Quá trình truyền bá vào Việt Nam										
Sự ảnh hưởng, biểu hiện										
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV cung cấp thông tin tư liệu Muhammad (sống vào khoảng 570 – 632) hay Mohamed, là một nhà lãnh đạo tôn giáo, xã hội và chính trị người Ả Rập và là người sáng lập ra Hồi giáo. Học thuyết Hồi giáo xem ông là một ngôn sứ mà Thượng Đế cử đi rao giảng và xác nhận những giáo lý độc thần của Adam, Ibrahim, Musa, Isa cũng như các nhà tiên tri đi trước. Trong tất cả giáo phái chính của đạo Hồi, Muhammad được xem là vị ngôn sứ cuối cùng của Thượng Đế										



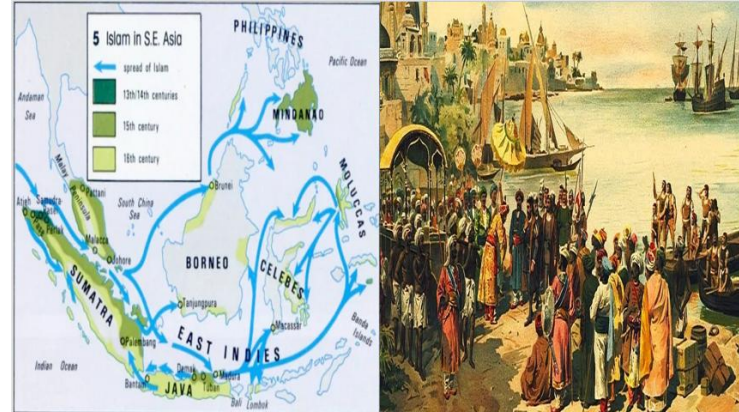
Kinh Cô-ran thường được đánh vần là Quran hay Koran, là văn bản thánh chính của đức tin Hồi giáo. Theo tín ngưỡng của người Hồi giáo, những lời của Kinh Cô-ran đã được ra lệnh cho Muhammad, người đã chuyển tiếp chúng bằng miệng cho những người theo ông.



Kinh Koran liệt kê ra 10 điều răn bao gồm:

- (1) Chỉ tôn thờ thiên chúa Alla;
- (2) Vinh danh và kính trọng cha mẹ;
- (3) Tôn trọng quyền của người khác;
- (4) Hãy bố thí rộng rãi cho người nghèo;
- (5) Cấm giết người trừ những trường hợp đặc biệt;

- (6) Cấm ngoại tình;
- (7) Hãy bảo vệ và chu cấp trẻ mồ côi;
- (8) Hãy cư xử công bằng với mọi người;
- (9) Hãy trong sạch về tình cảm và tinh thần;
- (10) Hãy khiêm tốn.



Thánh đường Jamia Al-Musulman

Thánh Đường Hồi giáo Masjid Al Ehsan



TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CHĂM ISLAM TẠI NAM BỘ

GV cho HS xem thêm các video về Đạo giáo

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Mục	Hồi giáo
Sự hình thành	Hồi giáo ra đời vào thế kỉ VII tại bán đảo Ả Rập, người sáng lập là Mô-ha-mát. Hồi giáo tôn thờ thánh A-la.
Quá trình truyền bá vào Việt Nam	- Hồi giáo được tiếp nhận đầu tiên bởi người Chăm vào khoảng thế kỉ X. - Trong các thế kỉ XV – XVII, Hồi giáo đã phổ biến trong cộng đồng người Chăm. Từ thế kỉ XIX, Hồi giáo từng bước phát triển ở vùng Đông Nam Bộ.
Sự ảnh hưởng, biểu hiện	- Trong đời sống, tín đồ Hồi giáo thực hiện 5 trụ cột thực hành đức tin, gồm: tuyên xưng đức tin, cầu nguyện, ăn chay, bố thí, hành hương. - Về lễ nghi, tín đồ Hồi giáo thực hiện một số lễ vòng đời quan trọng như lễ đặt tên, lễ thành niên, lễ cưới, lễ tang,... - Các lễ tết lớn của cộng đồng Hồi giáo Việt Nam là tháng lễ Ra-ma-đan (tháng 9 lịch Hồi giáo)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa

các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “oan tù ti”

GV chia lớp thành 4 nhóm, Mỗi nhóm sẽ cử đại diện trả lời. Trò chơi sẽ có 6 câu hỏi trắc nghiệm.

Để trả lời các câu hỏi này, em hãy đưa ra kí hiệu KÉO - BÚA - BAO chứa đáp án đúng mà các em tìm được



Câu hỏi số 1: Hồi giáo ra đời ở đâu?

	Bán đảo Sơn Trà
	Bán đảo A-Rập
	Bán đảo Iberia

Câu

hỏi số 2 :Hồi giáo được truyền bá đến Đông Nam Á vào khoảng thời gian nào?



Khoảng thế kỉ X



Khoảng thế kỉ XI



Khoảng thế kỉ XII

Câu

hỏi số 3: Trong đời sống xã hội, tín đồ Hồi giáo thực hành những điều răn của ai?



Chúa Giê-su



Phật Thích Ca



Thánh A-la

Câu

hỏi số 4: Tổ chức các nghi lễ tôn giáo gắn với các hình thức sinh hoạt cộng đồng nào sau đây?



Đến nhà thờ vào thứ 2 hàng tuần



Ăn chay trường



Lễ hội Ra-ma-đan

Câu

5: Ai là người sáng lập ra Hồi giáo?



Phi-la-đen



Mô-ha-mát



Đức chúa trời

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	Búa	Kéo	Bao	Bao	Búa

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Hồi giáo**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T9)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

- **Tích hợp năng lực số:-** [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều
- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

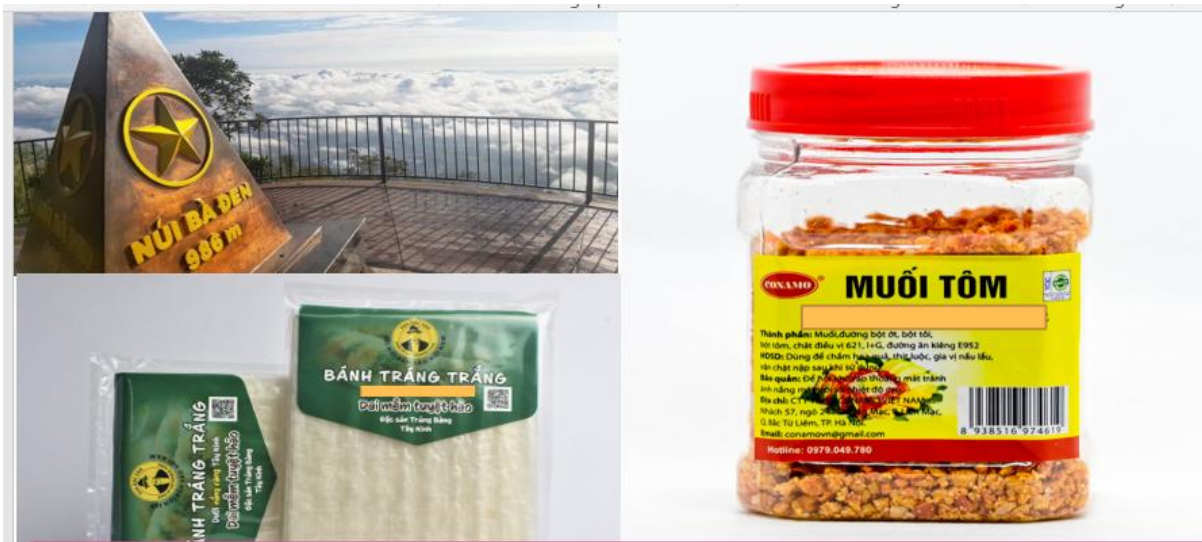
b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem hình ảnh yêu cầu HS và trả lời câu hỏi
?Những hình ảnh đang gợi nhớ cho em đến địa phương nào ở nước ta?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Đạo Cao đài trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Đạo Cao đài trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến								
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập [1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau	III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 5. Một số tôn giáo khác b.Đạo Cao Đài - Đạo Cao Đài do một số công chức, tư sản, địa chủ sáng lập năm 1926 tại ấp Long Trung, xã Long Thành, huyện Hoà Thành - Tín đồ đạo Cao Đài thực hành đời sống lương thiện, hoà đồng, đoàn kết, yêu thương, hướng đến mục tiêu đem hạnh phúc đến cho mọi người và đưa vạn loại thoát khỏi vòng luân hồi. - Hiện nay, đạo Cao Đài có số lượng tín đồ hơn 1,2 triệu người, sinh hoạt trong hơn 1300 cơ sở tôn giáo ở nhiều địa phương trong cả nước.								
<table><tr><th>Mục</th><th>Đạo cao đài</th></tr><tr><td>Sự hình thành</td><td></td></tr><tr><td>Tư tưởng</td><td></td></tr><tr><td>Sự ảnh hưởng, biểu hiện</td><td></td></tr></table>		Mục	Đạo cao đài	Sự hình thành		Tư tưởng		Sự ảnh hưởng, biểu hiện	
Mục		Đạo cao đài							
Sự hình thành									
Tư tưởng									
Sự ảnh hưởng, biểu hiện									
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV cung cấp thông tin tư liệu									
Tên gọi “Cao Đài” theo nghĩa đen là “một nơi cao”, nghĩa bóng là nơi cao nhất mà ở đó “Thượng đế ngự trị”. Cao Đài cũng là danh xưng rút gọn của Thượng đế trong đạo Cao Đài, vốn có tên đầy đủ là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.									



Đức Ngô Minh Chiêu là vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Thượng Đế.





GV cho HS xem thêm các video về Đạo cao đài

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Mục	Đạo cao đài
Sự hình thành	Đạo Cao Đài là một tôn giáo thờ Thượng đế, ra đời ở tỉnh Tây Ninh năm 1926, với vai trò sáng lập của một số trí thức người Việt.
Tư tưởng	Đạo Cao Đài hình thành trên cơ sở kết hợp tư tưởng của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và tục cầu hồn, cầu tiên thịnh hành ở Nam Bộ đương thời.
Sự ảnh hưởng, biểu hiện	- Các tín đồ đạo Cao Đài cũng hướng đến tinh thần gắn kết cộng đồng, tương trợ lẫn nhau. - Về lễ nghi, tín đồ đạo Cao Đài thực hiện ăn chay ít nhất 6 ngày trong tháng (lục trai), thực hiện 4 khoá lễ trong ngày. - Đạo Cao Đài có nhiều ngày lễ theo âm lịch, trong đó lớn nhất là lễ vía Đức Chí Tôn (9-1), lễ hội Yên Diệu Trì Cung (15-8).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Đào vàng”

GV chia lớp thành 4 nhóm, Mỗi nhóm sẽ cử đại diện trả lời.



Câu hỏi số 1: Đạo Cao Đài do một số công chức, tư sản, địa chủ sáng lập năm nào?

A. 1911

B. 1918

C. 1921

D. 1926

Câu hỏi số 2 :Họ thực hành 4 khoá lễ trong ngày, ăn chay ít nhất mấy ngày trong một tháng (gọi là lục trai).

A. 5 ngày trong một tháng

B. 6 ngày trong một tháng

C. 7 ngày trong một tháng

D. 8 ngày trong một tháng

Câu hỏi số 3: Cộng đồng cư dân Cao Đài tổ chức đại lễ vía Đức Chí Tôn vào thời gian nào?

A. Mừng 1 tháng Giêng hằng năm

B. Mừng 5 tháng Giêng hằng năm

C. Mừng 9 tháng Giêng hằng năm

D. Mừng 10 tháng Giêng hằng năm

Câu hỏi số 4: Cộng đồng cư dân Cao Đài tổ chức hội hội Yến Điều Trì Cung vào thời gian nào?

- A. Rằm tháng mười một âm lịch hằng năm
- B. Rằm tháng chín âm lịch hằng năm
- C. Rằm tháng mười âm lịch hằng năm
- D. Rằm tháng Tám âm lịch hằng năm

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	D	B	C	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Đạo Cao Đài**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (T10)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam; chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
- Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương; nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá - xã hội.
- Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác.
- Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Vận dụng: Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá - xã hội Việt Nam.

-Tích hợp năng lực số: - [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

Chăm học: Rèn luyện tinh hiếu học và tinh thần tự học.

Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, micro, bảng hoạt động nhóm, nam châm treo phiếu học tập, bảng nhóm.
- Sách Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – bộ sách Cánh diều

- Tài liệu tham khảo, tư liệu về các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tranh ảnh, phim về hoạt động của các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

2. Học sinh:

- Đọc thông tin trong sách chuyên đề (SCĐ), sưu tầm tư liệu liên quan đến các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Tham khảo tư liệu và nội dung trong SCĐ, hoàn thành các phiếu học tập theo yêu cầu của thầy, cô giáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập và chuyển giao nhiệm vụ học tập để kết nối vào bài học

b. Nội dung: Xác định các nhiệm vụ, nội dung học tập cơ bản của bài.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem hình ảnh yêu cầu HS và trả lời câu hỏi
- ? Những hình ảnh đang gợi nhớ cho em đến địa phương nào ở nước ta?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, dẫn vào nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam

a. Mục tiêu: - Phân tích được những biểu hiện của Đạo Hòa Hảo trong đời sống xã hội Việt Nam; chỉ ra được những biểu hiện của Đạo Hòa Hảo trong đời sống văn hoá - xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương.

b.Nội dung: Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến								
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn. Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức GV yêu cầu Lớp chia thành 4 nhóm: Tìm hiểu tư liệu hoàn thành nhiệm vụ học tập sau <table border="1" data-bbox="191 835 1003 1003"> <thead> <tr> <th>Mục</th><th>Đạo Hòa Hảo</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sự hình thành</td><td></td></tr> <tr> <td>Tư tưởng</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự ảnh hưởng, biểu hiện</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV cung cấp thông tin tư liệu Huỳnh Phú Sổ (Kỉ mùi 1919 – Đinh Hợi 1947):Tu sĩ, thi sĩ, người sáng lập hệ phái Phật giáo Hòa Hảo, thủ lĩnh đảng Việt Nam Độc lập Vận động hội; khi làm thơ ký nhiều bút hiệu: Hoàng Anh, Hồng Vân cư sĩ, Hòa Hảo... Quê làng Hòa Hảo, huyện Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc xã Hòa Hảo, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang).	Mục	Đạo Hòa Hảo	Sự hình thành		Tư tưởng		Sự ảnh hưởng, biểu hiện		III. Một số tư tưởng và tôn giáo ở Việt Nam 5. Một số tôn giáo khác c. Đạo Hòa Hảo - Do Huỳnh Phú Sổ – một nhà hoạt động xã hội – sáng lập năm 1939 tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là tỉnh An Giang). - Trong đời sống, tín đồ Phật giáo Hoà Hảo chú trọng “tu nhân” trên cơ sở thực hiện “tứ ân” - Về lễ nghi, tín đồ Phật giáo Hoà Hảo thực hiện tu tại gia. - Đạo Hoà Hảo có hai ngày lễ quan trọng theo âm lịch là lễ kỉ niệm Khai sáng Phật giáo Hoà Hảo (18-5) và lễ Đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ (25-11).
Mục	Đạo Hòa Hảo								
Sự hình thành									
Tư tưởng									
Sự ảnh hưởng, biểu hiện									



Trong đời sống, tín đồ Phật giáo Hoà Hảo chú trọng “tu nhân” trên cơ sở thực hiện “tứ ân”, gồm ân tổ tiên, cha mẹ; ân đất nước; ân đồng bào nhân loại; ân tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Bên cạnh đó là lòng yêu thương người nghèo khổ, giữ gìn đạo lí trong gia đình, không lười biếng, tránh tham lam, mê si....



PHẬT, PHÁP, TĂNG

Phật, Pháp và Tăng luôn luôn có sẵn trong mỗi con người chúng ta:

- Khả năng giác ngộ là Phật.
- Pháp môn tu học là Pháp.
- Những yếu tố hỗ trợ cho sự tu tập là Tăng.

Không ai cướp giết Phật, Pháp, và Tăng ra khỏi tự thân chúng ta được.
Dù đất trời có nghiêng ngả, tự tính Tam Bảo nơi mỗi người vẫn còn nguyên vẹn.



GV cho HS xem thêm các video về Đạo cao đài

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Mục	Đạo cao đài
Sự hình thành	Do Huỳnh Phú Sổ – một nhà hoạt động xã hội – sáng lập năm 1939 tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang).
Tư tưởng	Chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Tam giáo (Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo). Tín đồ Phật giáo Hoà Hảo chú trọng “tu nhân” trên cơ sở thực hiện “tứ ân”, gồm ân tổ tiên, cha mẹ; ân đất nước; ân đồng bào nhân loại; ân tam bảo (Phật, Pháp, Tăng).
Sự ảnh hưởng, biểu hiện	- Về lễ nghi, tín đồ Phật giáo Hoà Hảo thực hiện tu tại gia. Trong nhà có bàn thờ Phật và bàn thờ tổ tiên. Trước sân lập bàn thông thiên để cúng Trời - Đạo Hoà Hảo có hai ngày lễ quan trọng theo âm lịch là lễ kỉ niệm Khai sáng Phật giáo Hoà Hảo (18-5) và lễ Đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ (25-11)..

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Đào vàng”

GV chia lớp thành 4 nhóm, Mỗi nhóm sẽ cử đại diện trả lời.



Câu hỏi số 1: Đạo Hoà Hảo do ai sáng lập năm nào? Ở đâu?

- A. Đức Thầy Thích Chân Quang sáng lập, Vũng Tàu
- B. Đức Thầy Thích Trúc Thái Minh sáng lập, Quảng Ninh
- C. Thầy Thích Thái Hòa, Huế
- D. Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sáng lập, An Giang

Câu hỏi số 2 :Đạo Hoà Hảo được sáng lập vào năm nào?

- A. 1938
- B. 1939
- C. 1940
- D. 1941

Câu hỏi số 3: Đến năm 2022, số tín đồ Hoà Hảo khoảng bao nhiêu người?

- A. 5 trăm người
- B. 1 triệu người
- C. 1,5 triệu người
- D. 2,5 triệu người

Câu hỏi số 4: Tín đồ Hoà Hảo tu hành theo phương châm nào sau đây?

- A. Làm theo lời Chúa dạy
- B. Tu tại gia
- C. Làm theo lời Phật dạy
- D. Báo đáp tứ ân

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	D	B	C	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :**Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về 1 công trình (tác phẩm) ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Đạo Hòa Hảo**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

NỘI DUNG THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ 1: Thuyết trình (4 tiết)

1. Về kiến thức:

- Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản của chủ đề lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam

2. về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kĩ năng làm việc nhóm, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

- Tích hợp năng lực số:- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học: Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 12

- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

1.1-NC1-b] – Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số

Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

Nhiệm vụ học tập: HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một dẫn chứng chính thống phục vụ nội dung về gìn giữ hòa bình; lựa chọn kết quả từ nguồn chính thống và ghi lại nguồn.

Công cụ: Trình duyệt/Google Search; trang chính thức

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Yêu cầu Lớp chia làm 4 nhóm làm nhiệm vụ theo yêu cầu sau.

Lựa chọn, trình bày một nội dung trong:

CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Yêu cầu: Trình bày rõ ràng với các tiêu chí sau:

+ Được lựa chọn các loại hình thuyết trình: Powerpoint, infographic, sơ đồ tư duy, A0...

+ Nhiệm vụ:

Chọn một tín ngưỡng hoặc 1 tôn giáo ở Việt Nam làm phiếu học tập (hoặc có thể lựa chọn các hình thức khác) và trình bày theo bố cục sau:

1. Hoàn cảnh ra đời
2. Người sáng lập
3. Tư tưởng và triết lý của tín ngưỡng (tôn giáo)
4. Biểu hiện trong đời sống văn hóa – xã hội ở nước ta

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.